

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm;

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 424/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1972; thường trú: 219/44 đường ĐT743A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Trọng P, sinh năm 1972; thường trú: 219/44 đường ĐT743A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc T và anh Cao Trọng P sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D (nay là phường B, thành phố D), tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172/KH, quyền số 01/2001 ngày 15/9/2001.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại số nhà 219/44 đường ĐT743A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt và có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp. Cao Trọng P đã cố gắng cùng anh P hàn gắn gia đình nhưng

không có kết quả. Cao Trọng P xác định không còn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung tên Cao Đăng Thùy N, sinh ngày 28/9/1996; Cao Đăng Khôi N, sinh ngày 02/3/2002; Cao Đăng Ngọc T, sinh ngày 25/4/2003 và Cao Trọng Đại L, sinh ngày 23/9/2007. Sau khi ly hôn, Cao Trọng P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Cao Đăng Ngọc T và Cao Trọng Đại L, không yêu cầu anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Cao Đăng Thùy N và Cao Đăng Khôi N đã trưởng thành, Cao Trọng P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Đặng Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Cao Trọng P*: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ để yêu cầu anh Cao Trọng P cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/8/2020 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 24/8/2020 và ngày 15/9/2020 nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Cao Trọng P, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Tại văn bản ngày 20/7/2020 cháu Cao Đăng Khôi N, cháu Cao Đăng Thùy N trình bày*: Cháu thấy bố mẹ chung sống không có hạnh phúc, bố thường xuyên say xỉn và ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình nên bố mẹ thường xuyên gây gổ với nhau làm ảnh hưởng tới tinh thần của các con.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa Cao Trọng P và anh P do Tòa án tiến hành ngày 10/8/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Cao Trọng P và anh P trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, Cao Trọng P không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc T làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Cao Trọng P đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 24/8/2020 và ngày 15/9/2020 nhưng anh P vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc T và anh Cao Trọng P tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện

D (nay là phường B, thành phố D), tỉnh B theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 172/KH, quyển số 01/2001 ngày 15/9/2001 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống với bị đơn vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bị đơn không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bài bạc, không lo làm ăn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Điều này được cháu Cao Đăng Thùy N và cháu Cao Đăng Khôi N xác nhận. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Đông Hiệp nhưng Hội phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh P đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh P không có mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được.

[4] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Đặng Thị Ngọc T và anh Cao Trọng P có 04 con chung tên Cao Đăng Thùy N, sinh ngày 28/9/1996; Cao Đăng Khôi N, sinh ngày 02/3/2002; Cao Đăng Ngọc T, sinh ngày 25/4/2003 và Cao Trọng Đại L, sinh ngày 23/9/2007. Hiện con chung đang ở cùng với Cao Trọng P. Chị Đặng Thị Ngọc T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Cao Đăng Ngọc T và Cao Trọng Đại L. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Cao Trọng P vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay, cháu Đăng Ngọc T và Cao Trọng Đại L được chị Đặng Thị Ngọc T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt, đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Trâm và cháu Lợi mong muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Đăng Ngọc T và Cao Trọng Đại L cho chị Đặng Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Đối với cháu Cao Đăng Thùy N và Cao Đăng Khôi N đã trưởng thành, Cao Trọng P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận.

[8] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[9] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc T và anh Cao Trọng P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc T được ly hôn với anh Cao Trọng P.

- Về con chung: Anh Cao Trọng P giao con chung Cao Đặng Ngọc T, sinh ngày 25/4/2003 và Cao Trọng Đại L, sinh ngày 23/9/2007 cho chị Đặng Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị Ngọc T không yêu cầu anh Cao Trọng P cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Đặng Thị Ngọc T và anh Cao Trọng P đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Đặng Thị Ngọc T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040546 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND phường B (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Hoàng**